

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Thanh Hóa
TRƯỜNG THPT HẬU LỘC 1
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
1	862331	Lê Trịnh Hùng Dũng	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.9	8.1	9.6		1	8.5	9.4	9.5	27.4	28.4		Đỗ NV1 - Lần 1
2	780485	Trương Quốc Thái	30/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	XS	9.6	8.9	9.3	1		8.5	9.2	9.5	27.2	28.2		Đỗ NV1 - Lần 1
3	861008	Kiều Thế Anh	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.7	8.5	9.5			8.75	9.8	9.25	27.8	27.8		Đỗ NV1 - Lần 1
4	780163	Ngô Gia Hân	06/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.7	9			8.75	9.8	9	27.55	27.55		Đỗ NV1 - Lần 1
5	780222	Phạm Thị Thu Huyền	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	9.1	9.6			8.75	9.8	9	27.55	27.55		Đỗ NV1 - Lần 1
6	780083	Hoàng Ngọc Bảo Châu	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	9.1	9.9			8.75	9.8	8.75	27.3	27.3		Đỗ NV1 - Lần 1
7	862142	Trương Khánh Linh	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	9	9.2			9	9.6	8.5	27.1	27.1		Đỗ NV1 - Lần 1
8	780464	Phạm Ngọc Quỳnh	18/10/2011	Thành phố Đồng Nai	T	T	XS	9	9	9.8			8.5	9.8	8.75	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
9	780546	Ngô Ngọc Bảo Trâm	12/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.4	9.4			8.5	9.8	8.75	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
10	861073	Nguyễn Châu Giang	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	9	9.8			8.5	9.8	8.75	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
11	780335	Nguyễn Thị Hà My	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.4	9	9.9			8.5	10	8.5	27	27		Đỗ NV1 - Lần 1
12	780272	Hoàng Trương Phương Linh	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.8	9.1	9.3			9	9.6	8.25	26.85	26.85		Đỗ NV1 - Lần 1
13	780617	Nguyễn Thị Yến	20/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.6	9.6			8.75	9	9	26.75	26.75		Đỗ NV1 - Lần 1
14	780410	Vũ Ngọc Như	08/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	8.6	9.6			8	10	8.75	26.75	26.75		Đỗ NV1 - Lần 1
15	862415	Mai Thị Mai Linh	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.7	9	9.4			8	9.2	9.5	26.7	26.7		Đỗ NV1 - Lần 1
16	862234	Lê Thu Thùy	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	9.4	9.4			9	9.6	8	26.6	26.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
17	780153	Bùi Sỹ Hải	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.5	9.2			8.25	9.6	8.75	26.6	26.6		Đỗ NV1 - Lần 1
18	780364	Hoàng Thị Bích Ngọc	04/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.1	9.3	8.8			9	9	8.5	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
19	780267	Bùi Gia Linh	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.7	9.3			8.75	9	8.75	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
20	780552	Cao Xuân Trinh	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.9	8.7	9.3			7.75	9.4	9.25	26.4	26.4		Đỗ NV1 - Lần 1
21	780517	Nguyễn Thị Thúy	06/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	T	G	8.9	9	9			8.25	9.4	8.75	26.4	26.4		Đỗ NV1 - Lần 1
22	780167	Hoàng Thảo Hiền	21/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.5	8.8			8.75	9.6	8	26.35	26.35		Đỗ NV1 - Lần 1
23	780597	Lê Minh Vũ	09/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.6	9			8	9.6	8.75	26.35	26.35		Đỗ NV1 - Lần 1
24	780224	Vũ Thị Khánh Huyền	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.9	8.5			8.25	9.6	8.5	26.35	26.35		Đỗ NV1 - Lần 1
25	780205	Mai Lê Gia Huy	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.2	9.8			8	9.8	8.5	26.3	26.3		Đỗ NV1 - Lần 1
26	780143	Phạm Thị Hà Giang	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.7	8.6			8.75	8.8	8.75	26.3	26.3		Đỗ NV1 - Lần 1
27	780189	Trần Huy Hoàng	01/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.7	8.9	9.4			8.5	9	8.75	26.25	26.25		Đỗ NV1 - Lần 1
28	780247	Trương Quốc Khánh	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	8.7			8.25	9.2	8.75	26.2	26.2		Đỗ NV1 - Lần 1
29	780535	Bùi Thu Trang	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.6	8.8			8.25	9.4	8.5	26.15	26.15		Đỗ NV1 - Lần 1
30	780381	Trần Thị Minh Nguyệt	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	9.2			7.75	9.6	8.75	26.1	26.1		Đỗ NV1 - Lần 1
31	780043	Nguyễn Vũ Phương Anh	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.5	8.2			8.75	8.6	8.75	26.1	26.1		Đỗ NV1 - Lần 1
32	780326	Phạm Duy Minh	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.2	9.4			8	9.8	8.25	26.05	26.05		Đỗ NV1 - Lần 1
33	780590	Phạm Thành Vinh	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	9.1	1		8	9	8	25	26		Đỗ NV1 - Lần 1
34	780346	Nguyễn Duy Nam	18/03/2011	Tỉnh Phú Thọ	T	T	G	8.6	8.8	8.2			8	9.4	8.5	25.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
35	780166	Hà Thị Hiền	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.7	9.2			8.5	9.4	8	25.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1
36	780025	Nguyễn Hải Anh	10/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8	8.3			8	9.4	8.5	25.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1
37	780282	Nguyễn Phương Linh	22/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.8	8.4			8.25	9.4	8.25	25.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1
38	780181	Nguyễn Phương Hoa	05/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.5	8.4	9.2	1		8.25	8.4	8.25	24.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1
39	861503	Nguyễn Thùy Giang	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.7	8.9			7.75	9.6	8.5	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
40	780577	Mai Thanh Tùng	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.8	9.4			7.75	9.6	8.5	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
41	780331	Hoàng Hà My	01/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.3	9.2			7.75	9.6	8.5	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
42	780298	Phạm Thị Loan	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.4	8.7	9.1			8.25	8.6	9	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
43	780387	Hoàng Yến Nhi	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8	9.7			7.75	9.6	8.5	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
44	862485	Vũ Việt Thống	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.7	7.9	9.1			7.5	8.8	9.5	25.8	25.8		Đỗ NV1 - Lần 1
45	780087	Trần Bảo Châu	14/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	8.9	9.3			8.75	9	8	25.75	25.75		Đỗ NV1 - Lần 1
46	780148	Lê Thu Hà	27/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.5	8.1			8	9	8.75	25.75	25.75		Đỗ NV1 - Lần 1
47	780473	Hà Minh Tâm	23/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.6	8.2			8	9.2	8.5	25.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1
48	780481	Bùi Nam Thái	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.6	8.2	9.2			8.25	8.2	9.25	25.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1
49	780503	Trương Mai Thảo	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	9			8.25	9.2	8.25	25.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1
50	780280	Nguyễn Khánh Linh	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.2	9.4			8	9.4	8.25	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
51	780603	Lê Hà Vy	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.4	8.6			8.75	8.6	8.25	25.6	25.6		Đỗ NV1 - Lần 1
52	780257	Lê Phương Lan	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	9	8.8			7.25	9.6	8.75	25.6	25.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
53	780289	Phạm Khánh Linh	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8	8.6			8	8.8	8.75	25.55	25.55		Đỗ NV1 - Lần 1
54	780304	Trần Bảo Long	15/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.2	9			8.5	9	8	25.5	25.5		Đỗ NV1 - Lần 1
55	780012	Đồng Phan Anh	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.6	8			7.5	9	9	25.5	25.5		Đỗ NV1 - Lần 1
56	780557	Trần Thanh Trúc	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	9	9.3			7.5	9.2	8.75	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
57	780017	Lê Ngọc Phương Anh	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.2	8.4			8	9.2	8.25	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
58	780063	Vũ Hải Bách	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.7	8.8			7.75	9.2	8.5	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
59	780173	Đào Duy Hiếu	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8	9.2			7.75	9.2	8.5	25.45	25.45		Đỗ NV1 - Lần 1
60	780407	Phạm Tuyết Nhung	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	8.9	9.3			8	8.4	9	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
61	780611	Trịnh Thị Hà Vy	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.9	8.8			7.75	8.8	8.75	25.3	25.3		Đỗ NV1 - Lần 1
62	780005	Nguyễn Thị Hà An	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.3	9.8			7.75	9.8	7.75	25.3	25.3		Đỗ NV1 - Lần 1
63	780316	Nguyễn Triệu Thị Mai	07/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.3	8.3			7.75	8.8	8.75	25.3	25.3		Đỗ NV1 - Lần 1
64	780415	Nguyễn Minh Phát	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	8.8			8.25	9	8	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
65	780283	Nguyễn Thế Anh Linh	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.4	8.1			8.5	8	8.75	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
66	780245	Phạm Ngọc Khánh	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	9.2	8.8			8.75	8	8.5	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
67	780185	Lương Huy Hoàng	21/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.4	8.7			7.25	9	9	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
68	780092	Phạm Khánh Chi	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	9.1			8	8.2	9	25.2	25.2		Đỗ NV1 - Lần 1
69	780524	Nguyễn Trang Thư	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	8.9	9.3		0.5	8	8.4	8.25	24.65	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
70	780588	Nguyễn Quang Vinh	21/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.1	7.9			7.5	8.6	9	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
71	780494	Trần Đại Thành	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	9.1			7.25	9.6	8.25	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
72	780065	Đoàn Hoàng Gia Bảo	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.4	8.6			7.75	8.6	8.75	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
73	780234	Mai Thị Thu Hương	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	9.1	8.8			8.25	7.8	9	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
74	780120	Nguyễn Phương Hải Dương	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.5	9			8	8.8	8.25	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
75	780558	Triệu Thanh Trúc	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.4	8.6			7.5	8.8	8.75	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
76	780375	Hoàng Trung Nguyên	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.5	8.7			8.25	7.8	9	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
77	780138	Nguyễn Trần Đức	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.9	8.2			7.5	8.8	8.75	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
78	780194	Phạm Kim Huệ	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	9	8.8			7.75	8.8	8.5	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
79	780314	Đỗ Ngọc Mai	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.1	9	9.1			8	8	9	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
80	780507	Nguyễn Mạnh Thắng	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8	8.4			7.25	9	8.75	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
81	780045	Phạm Nguyễn Bảo Anh	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.4	9			8.5	7.6	8.75	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1
82	780360	Bùi Minh Ngọc	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.3	8.1			7.75	8.6	8.5	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1
83	780423	Vũ Hoàng Phong	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.3	9.1			7.25	8.8	8.75	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
84	780383	Lê Đức Nhân	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	9.1			7.5	8.2	9	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
85	780497	Hoàng Phương Thảo	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.4	9.7			7.5	9.2	8	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
86	780297	Vũ Trần Phương Linh	23/06/2011	Tỉnh Gia Lai	T	T	G	9	8.5	9			7	9.4	8.25	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
87	780328	Trần Quang Minh	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.5	8.7			7.5	8.4	8.75	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
88	780367	Mai Thị Bảo Ngọc	03/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.1	8.2			8.25	8.4	8	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
89	780081	Nguyễn Ngọc Chát	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8			8.5	7.6	8.5	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
90	780332	Hoàng Vũ Hà My	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.7	7.7			8	8.6	8	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
91	780210	Trịnh Nhật Huy	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.5	8			8	7.8	8.75	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
92	780244	Phạm Hà Gia Khánh	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.6	8.6	8.9			8.75	8.8	7	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
93	780345	Mai Hải Nam	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.3	8.9			7.25	8.8	8.5	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
94	780439	Lê Tuấn Phương	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.3	9.3			7.75	9	7.75	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
95	780142	Phạm Lê Giang	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.3	9.4			7.75	9	7.75	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
96	780164	Nguyễn Gia Hân	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.4	6.6			8.25	8	8.25	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
97	780030	Nguyễn Nhất Anh	12/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.6	8.4	9			7.75	8.2	8.5	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
98	780424	Mai Hải Phú	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	7.8	8.6			7	9.4	8	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
99	780433	Trương Minh Phúc	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.5	8.3			7.25	8.6	8.5	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
100	780506	Lê Nam Thắng	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	8.1			7.25	8.8	8.25	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
101	780096	Nguyễn Hoàng Cường	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.1	7.6			6.5	8.8	9	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
102	780549	Đỗ Hoàng Minh Triết	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.1	9.5			7.25	8.8	8.25	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
103	780370	Nguyễn Thảo Ngọc	03/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.7	8			7.25	8.8	8.25	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
104	780190	Trần Văn Hoàng	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7	7.6			7.5	8	8.75	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
105	780384	Trần Danh Nhân	23/03/2011	Tỉnh Gia Lai	T	T	G	9.1	7.5	8.1			7.25	8.2	8.75	24.2	24.2		Đỗ NV1 - Lần 1
106	780146	Bùi Ngân Hà	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.4	8.2			7.75	8.2	8.25	24.2	24.2		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
107	780299	Bạch Hoàng Long	01/02/2011	Thành phố Hà Nội	T	K		8.4	7.9	6.8			8.5	6.4	9.25	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
108	780191	Nguyễn Thị Bích Hồng	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.8	8.2			8.75	7.4	8	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
109	780068	Đỗ Quốc Bảo	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9.1	7.6	8.2			8.25	7.4	8.5	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
110	780110	Đông Đức Duy	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	7.4	7.2			7.5	7.6	9	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
111	780066	Đỗ Anh Gia Bảo	20/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.1	9.1			8.25	7.6	8.25	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
112	780361	Đào Lê Bảo Ngọc	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.3	8			7.75	7.6	8.75	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
113	780509	Bùi Thị Minh Thịnh	28/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	9	8.9			8	7.8	8.25	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
114	861570	Phạm Thị Hải Yến	17/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	7.9	8.6	7.9			7.5	9	7.5	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
115	780341	Phạm Lê Na	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.6	8.5			7.75	8	8.25	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
116	780290	Trần Gia Linh	12/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.2	8.4			7.75	8	8.25	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
117	780010	Đình Ngọc Anh	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.2	9.1	1		7.5	8.2	7.25	22.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
118	780090	Nguyễn Quỳnh Chi	18/09/2011	Tỉnh Hưng Yên	T	T	G	8.5	7.5	8.5			8.25	7.2	8.5	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
119	780447	Phạm Thu Phương	29/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.3	7.7			8.75	7.2	8	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
120	780215	Hoàng Khánh Huyền	08/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.7	8.9			8	7.4	8.5	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
121	780606	Nguyễn Thị Tường Vy	22/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8	8			7.5	7.6	8.75	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
122	780463	Lê Thị Như Quỳnh	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.3	7.8			8.25	7.6	8	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
123	780084	Lê Minh Châu	06/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.9	7.6			7.75	7.8	8.25	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
124	780249	Vũ Đăng Khoa	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.1	9.1		0.5	7.75	7.8	7.75	23.3	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
125	780608	Phạm Khánh Vy	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8	8.5			8.25	6.8	8.75	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
126	780077	Hoàng Huy Bình	23/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.5	9.2			7.25	7.8	8.75	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
127	780183	Trần Xuân Hoài	09/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.7	9.1			8.25	7.8	7.75	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
128	780573	Nguyễn Anh Tuấn	19/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.5	7.1			8	7.8	8	23.8	23.8		Đỗ NV1 - Lần 1
129	780036	Nguyễn Thị Mai Anh	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8	8.4			8	8	7.75	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
130	780397	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.5	8.1			7.75	8	8	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
131	780425	Mai Trọng Phú	18/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.9	7.7	8.6			6.5	9	8.25	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
132	780071	Hoàng Gia Bảo	15/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.5	8.2			8.5	7	8.25	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
133	780072	La Gia Bảo	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.4	7.8			7.75	7.2	8.75	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
134	780403	Vũ Thảo Nhi	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.5	8.9			8.5	7.2	8	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
135	780070	Hoàng Gia Bảo	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	7.3			7.75	7.4	8.5	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
136	780334	Nguyễn Huyền My	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.8	8.9			7.5	7.4	8.75	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
137	780174	Đoàn Gia Hiếu	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.6	8		1.5	8	7.4	6.75	22.15	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
138	780067	Đỗ Hoàng Gia Bảo	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.1	8.7			8.5	6.4	8.75	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
139	780373	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.3	7.8			8	7.4	8.25	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
140	780029	Nguyễn Lan Anh	03/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.5	7.4			7.75	7.8	8	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
141	780100	Mai Ngọc Diệp	19/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.7	8.1			8	6.8	8.75	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
142	780559	Mai Danh Trung	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.8	7.5	2		7.25	6.8	7.5	21.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
143	780269	Đình Thị Khánh Linh	07/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.7	8.5			8	8	7.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
144	780612	Vũ Nhật Khánh Vy	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.1	8			8	8	7.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
145	780593	Lê Tiến Vinh	03/03/2011	Tỉnh Phú Thọ	T	Đ		7.1	7.5	6.9			8.5	7	8	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
146	780292	Trịnh Hà Linh	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	7.5			7.75	7	8.75	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
147	780440	Mai Phương	17/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.7	8.4	9.1			8	8	7.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
148	780563	Tống Vũ Trường	19/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.3	8.1			7.5	7.2	8.75	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
149	780020	Lê Thị Phương Anh	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	9	7.8			8	7.2	8.25	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
150	780073	Phạm Thiên Bảo	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.3	8.4			8.25	7.2	8	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
151	780114	Đỗ Việt Dương	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.5	8.3			8.25	6.4	8.75	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
152	780132	Phạm Thành Đồng	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	7.9	8.2			7.75	7.4	8.25	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
153	780329	Vũ Huy Minh	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.1	8.2			7.25	7.4	8.75	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
154	780093	Vũ Thị Khánh Chi	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7	7.6			7.75	7.4	8.25	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
155	780305	Vũ Việt Long	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.5	8.2			8	7.6	7.75	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
156	780456	Trịnh Ngọc Quý	10/07/2011	Thành phố Đồng Nai	T	T	G	8.4	8.5	8.2			6.5	8.6	8.25	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
157	780363	Hoàng Nguyên Ngọc	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.1	8.3			6.75	8.6	8	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
158	780586	Lý Thị Thảo Vi	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.1	8.1			7.75	8.6	7	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
159	780498	Lê Phương Thảo	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.6	8.7			7	7.6	8.75	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
160	780545	Mai Bảo Trâm	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8	8.8			7.5	7.8	8	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
161	780512	Lê Hà Thu	17/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.3	7.1			8.25	6.8	8.25	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
162	780356	Bùi Phương Nga	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	8.8			6.75	8	8.5	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
163	780039	Nguyễn Thị Phương Anh	16/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.2	8.1			8	8	7.25	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
164	780388	Kiều Hoàng Yến Nhi	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.1	8	8.1			7.75	8	7.5	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
165	780086	Nguyễn Minh Châu	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.2	8.5			8.25	7	8	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
166	780170	Vũ Hoàng Hiệp	03/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.5	9.1			8	7	8.25	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
167	780411	Mai Tiến Ninh	16/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8	9			7.25	7.2	8.75	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
168	780318	Phạm Nhật Mai	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.7	7.7			8.25	7.2	7.75	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
169	780443	Nguyễn Tuấn Phương	16/02/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	8.1	8.7	7.9			7.75	7.2	8.25	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
170	780461	Đỗ Gia Quỳnh	13/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.4	7.6			8	7.2	8	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
171	780533	Nguyễn Đức Toàn	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7.1	8			7.75	7.4	8	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
172	780514	Lương Ngọc Thuận	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8	9			8.25	6.4	8.5	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
173	780540	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.2	7.3			8	6.4	8.75	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
174	780162	Trịnh Thu Hằng	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8	7.4			8.25	7.6	7.25	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
175	780203	Hoàng Anh Huy	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	7.8			7.25	7.6	8.25	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
176	780078	Trương Thanh Bình	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.8	7			7.75	6.6	8.75	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
177	780018	Lê Phương Anh	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.3	8.2			7.75	7.6	7.75	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
178	780515	Nguyễn Văn Thuận	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.8	8			6.75	7.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
179	780242	Nguyễn Thị Xuân Khánh	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	8.4			7.5	6.8	8.75	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
180	780220	Nguyễn Thu Huyền	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8	7.7			7.75	6.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
181	780058	Vũ Hoàng Ngọc Anh	20/08/2011	Thành phố Đồng Nai	T	K		8.7	8.7	7.5			8.75	5.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
182	780098	Nguyễn Thành Danh	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.5	7.5			7.75	6.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
183	780358	Trần Quỳnh Nga	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.2	8			7.5	8	7.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
184	780412	Bùi Thị Kim Oanh	03/01/2011	Tỉnh Đắk Lắk	T	T	G	8.4	8.1	7.5			7.5	7	8.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
185	780409	Nguyễn Gia Như	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.1	8.7			6.5	8	8.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
186	780040	Nguyễn Tuấn Anh	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.9	8.3			7.5	7.2	8.25	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
187	780232	Phạm Ngọc Hưng	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	7.8	8.2			7	7.2	8.75	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
188	780266	Trần Thị Diễm Lệ	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.1	8.1			8	6.4	8.5	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
189	780478	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	8.1	7.6			7.25	7.4	8.25	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
190	780460	Nguyễn Đình Quyền	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.6	9.2	9			7.75	6.4	8.75	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
191	780555	Nguyễn Thị Thanh Trúc	20/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.9	8.4			7	7.6	8.25	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
192	780311	Trình Ngọc Khánh Ly	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	6.6	8.5			8	7.6	7.25	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
193	780033	Nguyễn Thị Hà Anh	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	7.7	8.2			8	6.8	8	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
194	780466	Đình Trường Sơn	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.5	7.7			7	7.8	8	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
195	780140	Lê Thị Quỳnh Giang	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.5	7.3			7.75	7.8	7.25	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
196	780390	Lê Tuyết Nhi	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.2	8.2			7.75	6.8	8.25	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
197	780255	Trịnh Tuấn Kiệt	26/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.5	7.3			7.5	6.8	8.5	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
198	780229	Phạm Duy Hưng	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	7.7	8.1			7.75	6.8	8.25	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
199	780380	Nguyễn Ánh Nguyệt	15/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.8	7.1			7.75	6.8	8.25	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
200	780256	Bùi Thiên Lam	09/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.1	7.2	7.7			7.25	8	7.5	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
201	780308	Mai Bảo Lượng	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.2	7			6.5	8	8.25	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
202	780015	Lê Đặng Quỳnh Anh	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.6	7.9			7.75	7	8	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
203	780469	Nguyễn Đức Tài	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.8	7.4			7	8	7.75	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
204	780565	Mai Thị Thanh Tú	24/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.6	8			8	7.2	7.5	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
205	780149	Mai Thị Thảo Hà	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.7	6			7.75	7.2	7.75	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
206	780584	Trương Phương Uyên	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.8	8.2			8.25	6.2	8.25	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
207	780226	Lê Văn Hưng	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8	8			7	7.2	8.5	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
208	780002	La Thị Phúc An	22/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.2	7.9			8	6.2	8.5	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
209	780542	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.4	7.8			7.5	7.2	8	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
210	780601	Bùi Thảo Vy	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.9	7.8			8	6.4	8.25	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
211	780265	Trịnh Hoàng Lâm	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.8	8.8			7.5	7.4	7.75	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
212	780111	Lê Khánh Duy	03/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.4	7.2			7.75	6.4	8.5	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
213	780095	Lê Thị Thanh Chúc	23/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.2	7.8			8	6.6	8	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
214	780044	Phạm Hoàng Anh	27/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7	8.6			7.5	6.6	8.5	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
215	780239	Hoàng Đình Khánh	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.9	6.1			7.75	6.6	8.25	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
216	780398	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	9.2	8.1			8	6.6	8	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
217	780352	Nguyễn Thành Nam	08/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.9	6.7	6.8			7.5	7.6	7.5	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
218	780457	Nguyễn Bảo Quyên	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.6	8.3			7.25	6.8	8.5	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
219	780441	Ngô Thị Bích Phương	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.3	8.2			7.5	6.8	8.25	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
220	780106	Lê Sinh Việt Dũng	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.6	8			7.25	7	8.25	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
221	780240	Lê Minh Khánh	06/01/2011	Tỉnh Sơn La	T	K		7.3	7	6.1		1.5	8	5	8	21	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
222	780376	Lê Nguyễn Thảo Nguyên	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.3	7.9			7.5	7	8	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
223	780147	Lê Thị Ngọc Hà	22/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.3	8			7.5	6.2	8.75	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
224	780416	Nguyễn Văn Phát	08/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.2	7.2			7.5	6.2	8.75	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
225	780520	Đào Ngọc Minh Thư	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8	8.2			7.75	7.4	7.25	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
226	780192	Nguyễn Thu Hồng	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	8			8.5	5.4	8.5	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
227	780235	Phạm Thị Mai Hương	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	8	1		7	6.4	8	21.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
228	780099	Hoàng Bích Diệp	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8	9			7.5	7.4	7.5	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
229	780372	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.2	8.1			7.5	7.4	7.5	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
230	780430	Lê Hữu Phúc	18/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.5	6.1	6.7			6.5	7.6	8.25	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
231	780107	Lê Tiến Dũng	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.1	8.1			7.25	6.6	8.5	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
232	780614	Lương Khánh Xuân	08/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	7.5			8.25	5.6	8.5	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
233	780275	Lê Nguyễn Phương Linh	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	7.7	7.1			7.75	5.8	8.75	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
234	780076	Đặng Diệu Bình	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8.2			8	5.8	8.5	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
235	780284	Nguyễn Thùy Linh	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	7.4			8	8	6.25	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
236	780340	Nguyễn Ngọc Lê Na	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.3	8.2			7.5	7	7.75	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
237	780128	Nguyễn Trọng Đạt	01/07/2011	Tỉnh Cà Mau	T	T	G	8.5	6.8	8			7.25	7	8	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
238	780307	Hồ Đức Lương	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	8			7.5	6	8.75	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
239	780221	Phạm Thị Khánh Huyền	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.2	8.1			8	6	8.25	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
240	780408	Lê Hoa Quỳnh Như	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.3	7			7.25	7	8	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
241	780300	Biện Thanh Long	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.7	7.1			7.5	7	7.75	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
242	780538	Mai Thị Bảo Trang	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.9	9.1			7.25	9	6	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
243	780490	Phạm Nguyệt Thanh	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.9	7.4			8	7	7.25	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
244	780379	Hoàng Thị Minh Nguyệt	27/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.8	7.6			8	6	8.25	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
245	780591	Trịnh Quang Vinh	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.5	8.2			7.5	6	8.75	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
246	780587	Bùi Quốc Việt	24/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.2	8.1			6.67	6.8	8.75	22.22	22.22		Đỗ NV1 - Lần 1
247	780019	Lê Thị Lan Anh	11/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.3	6	1.5		7.5	5.2	8	20.7	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
248	780474	Hoàng Thị Minh Tâm	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.8	6.7			8	6.2	8	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
249	780062	Nguyễn Xuân Bách	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.3	8.7			7.25	6.2	8.75	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
250	780438	Lê Thị Phương	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	8.1	6.9			7.75	6.4	8	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
251	780219	Nguyễn Thị Huyền	21/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.9	7.8			8	6.4	7.75	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
252	780032	Nguyễn Phương Anh	11/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	7.5			7.75	7.4	7	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
253	780435	Bùi Hoàng Phương	02/02/2011	Thành phố Cần Thơ	T	K		8	8.1	6.8			7.75	6.4	8	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
254	780527	Vũ Hoài Thương	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.8	7			8.25	6.4	7.5	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
255	780393	Nguyễn Hải Yến Nhi	23/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.6	8.1			7.5	6.6	8	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
256	780089	Vũ Thị Bảo Châu	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.8	8.4			8.25	5.6	8.25	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
257	780177	Nguyễn Trung Hiếu	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	8.6			8	5.6	8.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
258	780442	Nguyễn Thị Mai Phương	05/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.2	8.2			7.5	7.6	7	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
259	780293	Trịnh Khánh Linh	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.2	8.4			8	6.6	7.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
260	780121	Nguyễn Thị Ánh Dương	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	8.5			7.25	6.6	8.25	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
261	780575	Nguyễn Văn Tuấn	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	6.8	8.1			7.75	6.6	7.75	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
262	780116	Lê Khánh Dương	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8	7.2			7.75	5.8	8.5	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
263	780428	Cao Xuân Phúc	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.9	7.2			7.75	7	7.25	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
264	780186	Mai Nguyên Hoàng	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.6	7.5			6.75	7	8.25	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
265	780035	Nguyễn Thị Kim Anh	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	6.9	8.1			7	7	8	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
266	780391	Mai Bảo Linh Nhi	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.4	8.6			8.25	6	7.75	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
267	780449	Trần Bích Phương	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.8	7.9			7.5	6	8.5	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
268	780052	Trần Nhật Anh	08/04/2011	Thành phố Hải Phòng	T	T	G	8.8	7.4	7.5			8	6	8	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
269	780059	Mai Ngọc Ánh	23/05/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7	7.6	7.2			7.5	7	7.5	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
270	780550	Đoàn Thị Phương Trinh	13/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	8.1			7.5	6.2	8.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
271	780306	Ngô Quang Lợi	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.5	8.3			7.5	6.2	8.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
272	780139	Phạm Hoàng Gia	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.7	8			7	6.2	8.75	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
273	780296	Vũ Đào Thảo Linh	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.6	7.5			7.25	7.2	7.5	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
274	780369	Nguyễn Minh Ngọc	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	8			7.5	7.2	7.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
275	780418	Đỗ Gia Phong	17/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.3	7.9			7.75	6.2	8	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
276	780061	Nguyễn Thế Bách	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	8.1	7.8			7.5	6.2	8.25	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
277	780580	Lê Thị Kim Tuyền	06/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.7	8			7.75	5.2	9	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
278	780493	Nguyễn Tuấn Thành	14/03/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.5	6.3			7	6.2	8.75	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
279	780155	Nguyễn Minh Hải	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	8	8.2			8.25	6.4	7.25	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
280	780482	Lê Anh Thái	16/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7	6.3			8.25	6.4	7.25	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
281	780491	Đỗ Long Thành	17/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.2	6.3			7	7.4	7.5	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
282	780475	Lê Thị Minh Tâm	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	8.2	7.1			8	5.4	8.5	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
283	780315	Nguyễn Thị Tuyết Mai	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.8	7.8			7.75	6.6	7.5	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1
284	780022	Mai Nguyễn Vân Anh	18/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.6	7			6.5	6.6	8.75	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1
285	780157	Trần Việt Hào	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.5	6.4			8	5.8	8	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
286	780254	Nguyễn Quốc Kiệt	24/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.4	8.4			6	7.8	8	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
287	780064	Vũ Huy Bách	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7	5.4			7.75	5.8	8.25	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
288	780053	Trịnh Lê Hoàng Anh	11/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.3	6.8			7.75	5.8	8.25	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
289	780521	Đỗ Thị Minh Thu	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.1	8			7.75	6.8	7.25	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
290	780609	Trần Thị Thảo Vy	28/02/2011	Tỉnh Phú Thọ	T	T	G	8.1	7.9	8.1			7.75	5.8	8.25	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
291	780211	Đào Vũ Khánh Huyền	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.6	8.7			8	8	5.75	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
292	780011	Đỗ Đức Anh	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.6	7.1			6.75	7	8	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
293	780459	Phạm Thị Hồng Quyên	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.2	7.1			8.25	6	7.5	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
294	780406	Nguyễn Thị Thùy Nhiên	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.9	7.7	1		7	6	7.75	20.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
295	780454	Nguyễn Hương Quế	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	8.1	7.3			7.5	7	7.25	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
296	780028	Nguyễn Hoàng Phương Anh	13/06/2011	Tỉnh Gia Lai	T	T	G	8.7	7	8.1			7.5	6.2	8	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
297	780419	Mai Trọng Phong	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.6	6.3			6.25	7.2	8.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
298	780023	Nguyễn Bảo Anh	12/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	8.3	6.8			8.25	6.4	7	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
299	780176	Mai Đức Hiếu	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.3	8			7.25	6.4	8	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
300	780353	Phạm Thanh Nam	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8	8.2			7.75	5.6	8.25	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
301	780414	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.3	8			8	6.6	7	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
302	780319	Tổng Ngọc Tuyết Mai	20/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.6	7			8	5.6	8	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
303	780486	Bùi Phương Thanh	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8	8.2			8	6.6	7	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
304	780522	Lê Thị Minh Thu	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.8	8.3	7			8.5	5.6	7.5	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
305	780127	Nguyễn Thành Đạt	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.5	7.3			6.5	7.6	7.5	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
306	780511	Ngô Thị Hồng Thom	22/06/2011	Tỉnh Nghệ An	T	K		8.6	7.5	7.8			8	6.6	7	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
307	780158	Kiều Diễm Hằng	24/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.1	7.7			7	6.8	7.75	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
308	780252	Tạ Trung Kiên	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.2	8.1			7	8.8	5.75	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
309	780006	Nguyễn Thị Linh An	01/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.8	7.4			7.75	5.8	8	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
310	780172	Bùi Minh Hiếu	12/05/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.6	7.9	7.9			7.5	5.8	8.25	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
311	780204	Lương Quốc Huy	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.9	5.8			7.25	5.8	8.5	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
312	780382	Vũ Ánh Nguyệt	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.5	6.9			8	5.8	7.75	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
313	780131	Nguyễn Văn Đông	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7	6.2			7.5	5.8	8.25	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
314	780135	Nguyễn Lê Minh Đức	02/11/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.2	7.9	8.2			7.5	7	7	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
315	780359	Trần Thị Thùy Nga	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.7	6.9			7.25	6	8.25	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
316	780049	Tạ Nguyễn Tuấn Anh	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.5	6.6			6.5	7	8	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
317	780450	Nguyễn Đăng Quang	21/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	6.8	6.9			7	6	8.5	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
318	780193	Nguyễn Văn Huệ	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	8.1	6.3			7.5	5.4	8.5	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
319	780130	Đỗ Khải Đình	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.8	8.1			7.5	7.4	6.5	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
320	780123	Tô Linh Đan	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.3	8.4			8	5.4	8	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
321	780519	Bùi Phạm Kỳ Thu	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.9	6.6			8	5.4	8	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
322	780366	Lê Khánh Ngọc	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.7	8.3			6	7.4	8	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
323	780054	Trịnh Phương Anh	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.7	7.5			7.25	6.4	7.75	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
324	780207	Nguyễn Gia Huy	02/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.7	6.9			7.5	6.6	7.25	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
325	780057	Vũ Hoàng Bảo Anh	17/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	6.5	6.7			7.75	5.6	8	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
326	780016	Lê Đức Anh	26/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.5	7.7			7	6.6	7.75	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
327	780322	Đỗ Tiến Minh	22/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	7.7	8.1			6.5	6.6	8.25	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
328	780543	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7	8.8	8.1			8.25	4.8	8.25	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
329	780195	Đỗ Minh Hùng	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.9	5.9	8			5.5	8.8	7	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
330	780610	Trần Tường Vy	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8	8.4			8	4.8	8.5	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
331	780037	Nguyễn Thị Ngọc Anh	31/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	6.6	6.5			7.75	5.8	7.75	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
332	780136	Nguyễn Minh Đức	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.8	8.9			7.5	6.8	7	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
333	780209	Nguyễn Nhật Huy	03/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.2	8.1			7.75	6.8	6.75	21.3	21.3		Đỗ NV1 - Lần 1
334	780218	Lường Thị Thu Huyền	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	8			8.25	5	8	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
335	780050	Tăng Đức Anh	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.8	6.6			7.5	6.2	7.5	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
336	780007	Vũ Khánh An	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.9	6.5			7.25	6.2	7.75	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
337	780180	Mai Thị Thanh Hoa	24/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8.4	7.8	7			7.25	6.2	7.75	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
338	780213	Hà Thị Huyền	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	8.1			8	5.2	8	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
339	780069	Hoàng Gia Bảo	10/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7	7.5	7.4			7.75	6.4	7	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
340	780285	Nguyễn Thùy Linh	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.9	7.7			8	5.4	7.75	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
341	780122	Phạm Thùy Dương	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	8.8			7	6.6	7.5	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
342	780602	Đình Thị Khánh Vy	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	8.5			7.75	5.8	7.5	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
343	780008	Vũ Việt An	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.1	6.9			7.25	6.8	7	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
344	780344	Lê Hải Nam	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.4	6.9			6	6.8	8.25	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
345	780082	Hoàng Minh Châu	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.3	8.5			8	5.8	7.25	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
346	780505	Đình Trọng Thắng	31/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.2	6.6			6.75	5.8	8.5	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
347	780355	Vũ Thế Nam	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.1	7			7.5	5.8	7.75	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
348	780374	Phạm Bảo Ngọc	28/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.2	6.7			7.25	6.8	7	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
349	780529	Nguyễn Hữu Tiến	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.2	8.5			7.25	5	8.75	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
350	780137	Nguyễn Minh Đức	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.6	7.7			7.5	6	7.5	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
351	780026	Nguyễn Hiền Giang Anh	05/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.6	8.2	7.3			7.25	7	6.75	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
352	780126	Nguyễn Doãn Tuấn Đạt	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.9	7.3			7.25	6	7.75	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
353	780525	Trần Anh Thư	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	8.5	7.8			7.75	5	8.25	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
354	780417	Bùi Duy Phong	25/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.1	6.8			7.75	5	8.25	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
355	780168	Trịnh Thị Thúy Hiền	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	7.6	8.1			7.75	6	7.25	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
356	780294	Trịnh Thị Mỹ Linh	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.1	7.2			8	6	7	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
357	780377	Mai Trung Nguyên	19/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.1	7.1			7.75	5	8.25	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
358	780243	Phạm Duy Khánh	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.3	7.9			7.25	6	7.75	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
359	780013	Đỗ Thị Mai Anh	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	8.2			7	6	8	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
360	780615	Trình Thị Xuyên	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.4	7.5			8	6	7	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
361	780401	Phạm Nguyễn Đan Nhi	19/09/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	T	G	7.5	8.1	8.1			8.25	6.2	6.5	20.95	20.95		Đỗ NV1 - Lần 1
362	780048	Phạm Tuấn Anh	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.7	7.7			6.5	7.4	7	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
363	780583	Đỗ Cát Tường	08/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8.5	6.1	7.9			6	6.4	8.5	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
364	780288	Phạm Hà Linh	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.7	6.3			6.75	5.4	8.75	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
365	780309	Hoàng Khánh Ly	27/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	7.1			7.5	5.4	8	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
366	780124	Lê Thành Đạt	09/05/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8.1	7.6	7.3			6.75	5.6	8.5	20.85	20.85		Đỗ NV1 - Lần 1
367	780317	Nguyễn Xuân Mai	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.4	7.4			7.25	6.6	7	20.85	20.85		Đỗ NV1 - Lần 1
368	780605	Nguyễn Hà Vy	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.9	8			7	7	6.75	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
369	780371	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	22/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.5	7.9			6.75	7.2	6.75	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
370	780134	Lường Minh Đức	09/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		8.4	7.7	6.4			7.5	5.2	8	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
371	780246	Tạ Duy Khánh	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.3	7.4			6.75	6.2	7.75	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
372	780368	Nguyễn Bảo Ngọc	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.3	7.5			6	7.2	7.5	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
373	780413	Nguyễn Kim Oanh	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.3	8.2			7.5	5.2	8	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
374	780468	Lê Chí Tài	13/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.7	8			6.25	7.4	7	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
375	780402	Trương Yến Nhi	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.8	7.1			7.25	5.4	8	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
376	780541	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		6.4	6.5	6.9			7.25	6.4	7	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
377	780320	Đỗ Đức Mạnh	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.3	6.5	5.8			7.25	6.4	7	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
378	780079	Trương Thế Bình	08/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8	6.5			7.5	4.6	8.5	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
379	780188	Phạm Duy Hoàng	19/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.7	7.3			7.5	4.6	8.5	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
380	780500	Phạm Thị Thu Thảo	12/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.2	6.7			6.5	5.6	8.5	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
381	780448	Trần Ái Phương	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.2	8.4			7	5.6	8	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
382	780431	Nguyễn Hoàng Phúc	12/05/2011	Thành phố Hà Nội	T	K		6.2	7.3	7.3			6.5	6.8	7.25	20.55	20.55		Đỗ NV1 - Lần 1
383	780378	Trịnh Thảo Nguyên	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.2	5.5			7	6.8	6.75	20.55	20.55		Đỗ NV1 - Lần 1
384	780596	La Văn Vũ	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7	7.4			6.25	5.8	8.5	20.55	20.55		Đỗ NV1 - Lần 1
385	780276	Lương Khánh Linh	03/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.4	7.3	6.3			8.5	4	8	20.5	20.5		Đỗ NV1 - Lần 1
386	780432	Nguyễn Hoàng Phúc	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.8	7.4			7.25	5	8.25	20.5	20.5		Đỗ NV1 - Lần 1
387	780253	Bùi Tuấn Kiệt	06/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.2	8.1			7.25	5	8.25	20.5	20.5		Đỗ NV1 - Lần 1
388	780312	Đào Thị Lý	10/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.6	7.7			7	6.2	7.25	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
389	780003	Nguyễn Hoàng An	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	6.7	7.3			7	5.2	8.25	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
390	780009	Bùi Thị Vân Anh	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	8.7	7.5			8	4.4	8	20.4	20.4		Đỗ NV1 - Lần 1
391	780458	Phạm Hồng Quyên	10/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	8.1	7.4			7.5	5.4	7.5	20.4	20.4		Đỗ NV1 - Lần 1
392	780365	Lê Hoàng Bảo Ngọc	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.6	7.8			7.25	5.4	7.75	20.4	20.4		Đỗ NV1 - Lần 1
393	780133	Lê Mạnh Đức	12/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.8	6.6			7.75	4.6	8	20.35	20.35		Đỗ NV1 - Lần 1
394	780258	Lê Thị Thanh Lan	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.4	6.9			7.5	4.6	8.25	20.35	20.35		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
395	780548	Trịnh Trọng Trí	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.9	6.2			7.5	4.6	8.25	20.35	20.35		Đỗ NV1 - Lần 1
396	780187	Mai Tiến Hoàng	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	8.1	6.3			7.25	4.8	8.25	20.3	20.3		Đỗ NV1 - Lần 1
397	780561	Nguyễn Trung Trực	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	7.5			7.5	5.8	7	20.3	20.3		Đỗ NV1 - Lần 1
398	780471	Tô Gia Tài	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.2	6			7.25	5	8	20.25	20.25		Đỗ NV1 - Lần 1
399	780386	Hoàng Yến Nhi	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.6	6.5			8	6	6.25	20.25	20.25		Đỗ NV1 - Lần 1
400	780564	Lê Tuấn Tú	30/01/2011	Tỉnh Quảng Trị	T	K		7.1	7.9	7.5			8	5.2	7	20.2	20.2		Đỗ NV1 - Lần 1
401	780467	Hoàng Anh Sơn	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.3	7.1			6.75	6.2	7.25	20.2	20.2		Đỗ NV1 - Lần 1
402	780350	Nguyễn Nhật Nam	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.1	8.2			7.25	5.2	7.75	20.2	20.2		Đỗ NV1 - Lần 1
403	780041	Nguyễn Việt Anh	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.7	7.6			7	5.4	7.75	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
404	780236	Đặng Hoàng Bảo Khang	13/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.6	6.7			6	6.4	7.75	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
405	780201	Cao Gia Huy	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.4	6.7			7.5	5.4	7.25	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
406	780241	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.7	6.9			8	5.4	6.75	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
407	780248	Nguyễn Việt Khoa	31/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.5	7.8			7.5	5.4	7.25	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
408	780014	Đỗ Tuấn Anh	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.5	6.6			7.25	5.4	7.5	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
409	780109	Bùi Lê Đức Duy	17/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.6	7			7	4.6	8.5	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
410	780324	Nguyễn Tiến Minh	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.8	7.1			7.75	5.6	6.75	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
411	780238	Đình Huy Khánh	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.7	6.5			6.25	5.6	8.25	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
412	780336	Phạm Hoàng Thảo My	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.5	7.1	7			6.75	4.6	8.75	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
413	780452	Nguyễn Tiến Quân	19/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.9	7.5			6	5.6	8.5	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
414	780154	Mai Thị Thu Hải	04/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.6	7.5			7.75	5.6	6.75	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
415	780427	Trương Hồng Phú	15/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.4	6.1	5.7			7.5	4.8	7.75	20.05	20.05		Đỗ NV1 - Lần 1
416	780544	Hoàng Thị Bích Trâm	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.6	6.7			7.75	4.8	7.5	20.05	20.05		Đỗ NV1 - Lần 1
417	780495	Vũ Huy Thành	13/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.6	6.7			7	4.8	8.25	20.05	20.05		Đỗ NV1 - Lần 1
418	780097	Hoàng Công Danh	21/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.1	6.3			7.75	5	7.25	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
419	780273	Kiều Thùy Linh	25/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.8	8.9			8.5	5	6.5	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
420	780161	Nguyễn Minh Hằng	08/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.4	6.7			8	4.2	7.75	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
421	780105	Lê Mạnh Dũng	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.3	8			6.75	5.2	8	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
422	780576	Phạm Anh Tuấn	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.9	6.5			7.5	4.2	8.25	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
423	780091	Nguyễn Thị Vân Chi	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.2	7.1	4.9			7.5	5.2	7.25	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
424	780047	Phạm Thị Phương Anh	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.7	7.3			7.25	5.2	7.5	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
425	780281	Nguyễn Khánh Linh	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.6	7.9			8	4.4	7.5	19.9	19.9		Đỗ NV1 - Lần 1
426	780094	Lê Hà Phương Chính	30/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.1	6.9	6.4			7.25	4.4	8.25	19.9	19.9		Đỗ NV1 - Lần 1
427	780115	Hoàng Đại Dương	21/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.4	6.6			8	3.4	8.5	19.9	19.9		Đỗ NV1 - Lần 1
428	780333	Ngô Thị Trà My	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.4	6.7			8	3.6	8.25	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
429	780526	Lê Thị Thương	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.9	6.3			8	4.6	7.25	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
430	780462	Đỗ Như Quỳnh	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.7	5.9			8	4.6	7.25	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
431	780465	Mai Duy Sinh	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.9	7			7	4.8	8	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
432	780492	Lương Tiến Thành	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	6.5	7.1			6.75	4.8	8.25	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
433	780426	Trịnh Trọng Phú	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.5	7.8			7	5.8	7	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
434	780553	Lê Thanh Trúc	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.1	9.1	9			8.5	4.8	6.5	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
435	780261	Nguyễn Thị Mai Lan	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.2	6.6			7.5	4.8	7.5	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
436	780303	Phạm Duy Long	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.6	6.2			8	4	7.75	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1
437	780212	Đoàn Thị Thanh Huyền	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7	6.7			7.5	5	7.25	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1
438	780171	Vũ Huy Hiệp	13/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.5	6.6			8	4	7.75	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1
439	780313	Lê Thiên Lý	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.5	7.7			7.75	5.2	6.75	19.7	19.7		Đỗ NV1 - Lần 1
440	780446	Phạm Thị Thu Phương	20/05/2011	Thành phố Hải Phòng	T	K		7.9	7.5	7.9			7.5	4.2	8	19.7	19.7		Đỗ NV1 - Lần 1
441	780421	Phạm Nam Phong	08/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5.6	6.6			6.25	7.2	6.25	19.7	19.7		Đỗ NV1 - Lần 1
442	780579	Lê Phương Tuyền	16/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.7	7.5			8	3.4	8.25	19.65	19.65		Đỗ NV1 - Lần 1
443	780351	Nguyễn Phạm Bảo Nam	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	7.9	6.8			7	4.6	8	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
444	780088	Trịnh Thị Minh Châu	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8	8.1			7.75	3.6	8.25	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
445	780510	Nguyễn Đỗ Hải Thịnh	15/10/2011	Thành phố Hà Nội	T	K		7.9	7.4	6.9			7.25	3.8	8.5	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
446	780038	Nguyễn Thị Phương Anh	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.9	5.9			7.25	3.8	8.5	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
447	780250	Nguyễn Anh Khôi	25/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.2	8			7.5	4.8	7.25	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
448	780179	Lê Như Hoa	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.8	6.9			8	4.8	6.75	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
449	780117	Mai Thị Thùy Dương	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.7	7.4			8.75	3.8	7	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
450	780504	Phạm Thị Phương Thảo	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.5	6.5			8.25	6	5.25	19.5	19.5		Đỗ NV1 - Lần 1
451	780530	Phạm Ngọc Tiến	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.1	7.1			6.75	4.2	8.5	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1
452	780216	Lê Ngọc Huyền	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.6	6.3			8.5	4.2	6.75	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1
453	780263	Trịnh Thị Lan	23/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.1	7			7.25	5.2	7	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1
454	780444	Nguyễn Yến Phương	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.5	8.5			7.5	4.2	7.75	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1
455	780251	Phạm Trung Kiên	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.7	6			7	4.4	8	19.4	19.4		Đỗ NV1 - Lần 1
456	780260	Nguyễn Thị Lan	18/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	7.6			7	5.4	7	19.4	19.4		Đỗ NV1 - Lần 1
457	780571	Lý Đình Tuấn	30/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.2	8.7			7.5	3.6	8.25	19.35	19.35		Đỗ NV1 - Lần 1
458	780347	Nguyễn Dương Nam	22/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8.1	7	7.6			7	4.6	7.75	19.35	19.35		Đỗ NV1 - Lần 1
459	780613	Hoàng Thị Xuân	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.3	7.5			8.25	3.6	7.5	19.35	19.35		Đỗ NV1 - Lần 1
460	780451	Lê Hữu Quân	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	5.8	6			6.75	4.6	8	19.35	19.35		Đỗ NV1 - Lần 1
461	780259	Mai Thị Ngọc Lan	20/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.2	7			7	4.8	7.5	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
462	780152	Trịnh Thị Hồng Hà	14/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.4	6.7			7.75	4.8	6.75	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
463	780339	Đỗ Thị Lê Na	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.6	6.8			7	5.8	6.5	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
464	780262	Phạm Thị Phương Lan	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.7	7.2			6.5	5.2	7.5	19.2	19.2		Đỗ NV1 - Lần 1
465	780196	Lê Mạnh Hùng	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.4	5.5			6.25	5.2	7.75	19.2	19.2		Đỗ NV1 - Lần 1
466	780437	Lê Thị Bích Phương	29/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.9	6.2			7.75	4.4	7	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
467	780574	Nguyễn Minh Tuấn	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.4	5.8			8	5.4	5.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
468	780141	Nguyễn Trường Giang	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.1	6.3			8	3.4	7.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
469	780055	Trịnh Thị Ngọc Anh	13/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	7			8.5	2.4	8.25	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
470	780178	Vũ Quý Hiếu	19/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.2	5.6			7	3.6	8.5	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
471	780034	Nguyễn Thị Hoàng Anh	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.5	6.9			8	3.8	7.25	19.05	19.05		Đỗ NV1 - Lần 1
472	780534	Nguyễn Văn Tới	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	8.2	5.9			7.25	4.8	7	19.05	19.05		Đỗ NV1 - Lần 1
473	780199	Bùi Quang Huy	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.1	6.9			7	3.8	8.25	19.05	19.05		Đỗ NV1 - Lần 1
474	780568	Đỗ Văn Tuấn	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.3	7.6			8	3	8	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
475	780325	Phạm Bình Minh	20/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.1	6.4			7	5	7	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
476	780420	Nguyễn Vũ Phong	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.1	6.3			6.75	5	7.25	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
477	780104	Trịnh Thị Mỹ Dung	11/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	7.2			6.75	5.2	7	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
478	780395	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	11/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	5.4	6.8			6.75	5.2	7	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
479	780108	Nguyễn Viết Dũng	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.5	6.1			7.5	3.4	8	18.9	18.9		Đỗ NV1 - Lần 1
480	780200	Bùi Tư Huy	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.7	7.2			7.5	3.4	8	18.9	18.9		Đỗ NV1 - Lần 1
481	780385	Trần Việt Nhân	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.4	6.7			7.75	4.4	6.75	18.9	18.9		Đỗ NV1 - Lần 1
482	780594	Bùi Đức Vũ	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	6.9	6.8			7.5	3.6	7.75	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 2
483	780405	Nguyễn Thị An Nhiên	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.7	7.3			6.5	3.8	8.5	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 2
484	780337	Phạm Thị Trà My	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.3	6.3			6.75	3.8	8.25	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
485	780389	Lê Thị Tuyết Nhi	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	8	7.1			7.75	3.8	7.25	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 2
486	780536	Đỗ Thị Thùy Trang	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.8	8.9	7.1			8.25	3.8	6.75	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 2
487	780404	Nguyễn An Nhiên	20/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.5	5.1			7.75	3.8	7.25	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 2
488	780488	Đoàn Thị Hà Thanh	28/05/2011	Thành phố Hà Nội	T	K		6	7.7	6.9			7.25	5	6.5	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 2
489	780228	Nguyễn Tuấn Hưng	25/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.4	6.5			7	4.2	7.5	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 2
490	780278	Nguyễn Gia Linh	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.4	8.6			7.75	4.4	6.5	18.65	18.65		Đỗ NV1 - Lần 2
491	780392	Mai Yến Nhi	26/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.9	5.6			7.5	3.6	7.5	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 2
492	780197	Nguyễn Phi Hùng	03/12/2011	Tỉnh Tây Ninh	T	K		7.6	6.5	7			7.75	2.6	8.25	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 2
493	780436	Lê Minh Phương	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.3	7.7			7	4.6	7	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 2
494	780295	Trương Phương Linh	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.1	5.6	5.7			6.25	6.6	5.75	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 2
495	780394	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.7	5.5			7.25	3.6	7.75	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 2
496	780113	Phạm Quang Duy	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.1	6.1			7	3.6	8	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 2
497	780230	Phạm Gia Hưng	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.2	7.8			7	3.6	8	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 2
498	780129	Phạm Văn Đạt	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.9	6			7.5	3.8	7.25	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 2
499	780354	Trịnh Bảo Nam	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.2	5.5			7.25	3.8	7.5	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 2
500	780455	Triệu Bảo Quốc	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.4	7.1	6.1			6	4.8	7.75	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 2
501	780600	Nguyễn Xuân Vũ	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	6.5	6.3			6.75	3.8	8	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 2
502	780231	Phạm Khánh Hưng	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.3	7.2			7	5	6.5	18.5	18.5		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
503	780165	Tạ Trung Hậu	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7	6.2			7	5	6.5	18.5	18.5		Đỗ NV1 - Lần 2
504	780537	Lê Mai Thuý Trang	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.1	7			7	3.2	8.25	18.45	18.45		Đỗ NV1 - Lần 2
505	780150	Nguyễn Thu Hà	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.5	6.4	6.3			6	5.2	7.25	18.45	18.45		Đỗ NV1 - Lần 2
506	780169	Nguyễn Thế Hiệp	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.5	7.6			6	4.4	8	18.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 2
507	780592	Vy Văn Vinh	15/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.5	7.7	6.5	1		7.5	3.4	6.5	17.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 2
508	780206	Mai Thế Huy	03/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.3	7.2			7	3.4	8	18.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 2
509	780484	Trịnh Duy Thái	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	7.1			6.75	4.6	7	18.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 2
510	780237	Hoàng Hải Khanh	17/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	Đ		5.8	5.9	5.4	1		6.5	3.6	7.25	17.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 2
511	780144	Hà Huy Giáp	03/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.1	5.1			7.5	2.8	8	18.3	18.3		Đỗ NV1 - Lần 2
512	780539	Mai Thị Huyền Trang	16/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.1	6.7			7.5	3	7.75	18.25	18.25		Đỗ NV1 - Lần 2
513	780198	Trần Trí Hùng	25/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	6.5	5.5			6	4	8.25	18.25	18.25		Đỗ NV1 - Lần 2
514	780477	Mai Thị Minh Tâm	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	6.9	6.1			6.75	4	7.5	18.25	18.25		Đỗ NV1 - Lần 2
515	780004	Nguyễn Thị An	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.2	6.6	6.6			7	5.2	6	18.2	18.2		Đỗ NV1 - Lần 2
516	780338	Trịnh Thị Trà My	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.6	6.6	6			7	4.4	6.75	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 2
517	780453	Tô Văn Hoàng Quân	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.7	6.1			7	3.4	7.75	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 2
518	780496	Đình Thị Thu Thảo	12/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.8	6.2			7.25	5.4	5.5	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 2
519	780227	Nguyễn Chấn Hưng	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	6.7	7.3			7	3.6	7.5	18.1	18.1		Đỗ NV1 - Lần 2
520	780042	Nguyễn Vũ Anh	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.9	6.9			8.25	3.6	6.25	18.1	18.1		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
540		Nguyễn Phạm Thành Danh	08/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8	8.5	6.7									Tuyển thẳng

Danh sách này gồm có 540 thí sinh trúng tuyển

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÁN BỘ DUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG KT&KĐCLGD

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký và đóng dấu)